

Thứ ba, ngày 15 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

Kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 900 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/9/2020		•	
Tuần 14/9-18/9/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN Index có một ngày giao dịch tiến tới kiểm tra khu vực kháng cự quanh 900 điểm nhưng vẫn chưa thể chinh phục lại mốc này và đã có sự điều chỉnh về ngưỡng 896 vào cuối phiên. Dòng tiền đầu tư có sự suy giảm nhưng vẫn có 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn có trạng thái bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên đầu tuần, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái cân bằng cho thấy đang diễn ra quá trình giằng co tại thời điểm hiện tại. Theo nhận định của chúng tôi, trong những phiên tới VN Index sẽ tiếp tục cố gắng vượt qua ngưỡng 900 điểm nhưng áp lực chốt lời tại vùng này vẫn đủ mạnh để làm chậm lại quá trình tăng trung hạn của chỉ số.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2103, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/9/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.0%

Phân tích kỹ thuật: Theme_STB_Xu hướng hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +1.69 điểm, đóng cửa 896.26. HNX-Index +0.5 điểm, đóng cửa 127.93.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+1.84); GAS (+0.49); BCM (+0.41); VNM (+0.29); BID (+0.29).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-0.64); VCB (-0.52); CTG (-0.21); TCB (-0.15); HVN (-0.12).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 5,534 tỷ đồng, +5.65% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.08 điểm. Thị trường có 209 mã tăng, 51 mã tham chiếu và 201 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -360.84 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (-195.4 tỷ), VNM (-44.3 tỷ) và HDB (-25.1 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -8.33 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **896.26**
Giá trị: 5534.95 tỷ 1.69 (0.19%)
Khối ngoại (ròng): -360.84 tỷ

HNX-INDEX **127.93**
Giá trị: 467.76 tỷ 0.5 (0.39%)
Khối ngoại (ròng): -8.33 tỷ

UPCOM-INDEX **59.56**
Giá trị: 0.46 tỷ 0.15 (0.25%)
Khối ngoại(ròng): 4.15 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	37.3	0.08%
Giá vàng	1,963	0.30%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,529	0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,909	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	32.73%
LS TPCP 5 năm	1.6%	0.58%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	32.6	VHM	195.4
E1VFN30	27.9	VNM	44.3
NLG	17.5	HDB	25.1
VRE	16.0	GAS	24.4
PHR	11.4	VCB	24.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.0%	1.1%	3.5%	12.7%	12.7%	5.8%	31.7%
Dầu khí	0.8%	1.7%	0.6%	8.8%	8.8%	-16.8%	41.0%
Stay-at-home	0.7%	1.3%	4.7%	18.5%	18.5%	24.0%	35.7%
Cổ phiếu ngành Dược	0.7%	0.8%	3.1%	16.1%	16.1%	6.4%	22.8%
Corona Avengers	0.6%	1.6%	4.2%	13.2%	13.2%	9.0%	37.2%
Lãi suất giảm	0.6%	1.8%	7.9%	20.9%	20.9%	17.2%	33.8%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	2.2%	2.4%	14.8%	14.8%	12.1%	29.8%
FTSE Việt Nam	0.5%	1.4%	2.5%	7.8%	7.8%	-3.8%	26.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	1.2%	2.2%	8.2%	8.2%	-6.3%	26.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	1.0%	1.9%	12.5%	12.5%	-0.1%	28.8%
Ngân Hàng	0.2%	1.2%	0.6%	14.0%	14.0%	4.1%	35.1%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.8%	2.8%	14.2%	14.2%	4.8%	30.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	1.2%	1.0%	10.9%	10.9%	-2.7%	29.6%
Nước & Năng lượng	0.1%	0.9%	3.4%	16.3%	16.3%	4.6%	27.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	0.7%	0.3%	10.6%	10.6%	-11.2%	34.1%
Đầu tư công	0.0%	2.5%	5.2%	21.2%	21.2%	14.3%	29.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.0%	0.6%	1.6%	13.5%	13.5%	-4.0%	31.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.1%	0.3%	1.0%	15.3%	15.3%	2.0%	26.2%
Xây dựng	-0.1%	2.3%	4.0%	18.7%	18.7%	9.8%	31.9%
VN Diamond	-0.1%	0.5%	0.4%	10.2%	10.2%	-9.4%	32.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.2%	-0.2%	4.2%	20.0%	20.0%	20.9%	31.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.3%	0.7%	0.6%	7.7%	7.7%	-4.2%	33.1%
VN FinSelect	-0.3%	0.6%	0.8%	7.5%	7.5%	-4.2%	31.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	0.4%	4.2%	15.1%	15.1%	17.6%	22.6%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	-0.5%	3.6%	18.9%	18.9%	2.9%	32.2%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	0.5%	1.1%	3.4%	14.2%	14.2%	13.4%	27.4%
L11	0.4%	1.0%	2.0%	12.0%	12.0%	-0.6%	26.1%
L32	0.3%	1.2%	2.4%	10.8%	10.8%	-10.6%	32.5%
M22	0.2%	0.8%	0.7%	10.2%	10.2%	4.4%	27.5%
S32	0.2%	1.3%	2.3%	11.7%	11.7%	-9.5%	35.6%
M31	0.2%	0.3%	0.7%	13.2%	13.2%	-1.7%	32.4%
S21	0.2%	0.6%	3.4%	15.0%	15.0%	-0.7%	29.4%
M12	0.2%	0.7%	1.0%	9.6%	9.6%	-2.3%	27.1%
L22	0.0%	0.7%	2.3%	13.2%	13.2%	-3.9%	29.6%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.8%	1.5%	2.4%	11.7%	11.7%	-3.1%	30.2%
MID1	0.6%	1.3%	3.8%	17.2%	17.2%	13.1%	27.2%
LOW1	0.2%	0.4%	1.2%	7.5%	7.5%	-3.5%	27.2%

INDEX							
VNINDEX	0.2%	0.8%	1.7%	8.6%	8.6%	-6.7%	25.9%
VN30INDEX	0.1%	0.9%	1.1%	8.2%	8.2%	-5.2%	27.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	12	13	14	11	16	9
Mục tiêu	9	5	4	5	4	6	3
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.33	0.19%	1.60%	-12.20%	-32.02%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	39.67	0.15%	-0.30%	-12.50%	-31.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	111.17	0.44%	0.80%	-5.70%	-30.61%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1964.11	0.37%	1.70%	1.00%	31.20%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.37	0.90%	2.60%	3.50%	56.02%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1002.75	0.33%	3.10%	11.50%	4.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	546.00	0.05%	0.30%	7.80%	4.45%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.23	0.10%	1.80%	14.30%	11.41%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	173.23	2.19%	1.80%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.50	-0.79%	-0.90%	-6.70%	-4.07%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	123.05	-7.10%	-8.20%	7.70%	6.44%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6796.00	0.85%	0.10%	5.70%	15.78%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	538.14	0.11%	-1.50%	0.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1800.50	1.44%	0.20%	0.80%	0.42%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	124.19	0.39%	-0.40%	3.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.20	-0.45%	8.00%	3.30%	-30.13%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 22 US cent (0.6%) xuống 39.61 USD/thùng. Dầu thô WTI giảm 7 US cent (0.2%) xuống 37.26 USD/thùng. Giá dầu giảm nhẹ trong phiên 14/9 do Lybia đã sẵn sàng khôi phục sản xuất dầu giữa bối cảnh thị trường lo ngại về khả năng kinh tế thế giới hồi phục khó khăn làm giảm nhu cầu đối với mặt hàng này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,954.68 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 tăng 0.8% lên 1,963.7 USD/ounce.
- Các nhà đầu tư hiện đang theo dõi xem Fed trong ngày 16/9 sẽ có quyết định như thế nào về chính sách, và dự báo tổ chức này sẽ duy trì mục tiêu tỷ lệ lạm phát 2% trong thời gian dài và tăng cường nói lỏng định lượng. Quyết định về chính sách của ngân hàng trung ương Nhật Bản (BoJ) cũng là một mục tiêu để các nhà đầu tư theo dõi lúc này – BoJ sẽ đưa ra quyết định vào ngày 17/9.
- Trong khi đó, Liên minh Châu Âu đang gia tăng sức ép buộc Thủ tướng Anh Boris Johnson phải từ bỏ ý định phá bỏ thỏa thuận Brexit.
- Các nhà đầu tư vàng cho rằng giá mặt hàng này sẽ tiếp tục tăng trước những bất ổn chính trị ở Mỹ, Brexit và những điều kiện kinh tế yếu kém trên khắp thế giới

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 2.4% lên 848.5 CNY (124.23 USD)/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore tăng 1.4% lên 125 USD/tấn. Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên (Trung Quốc) tăng trong phiên vừa qua do lạc quan về triển vọng nhu cầu của Trung Quốc bù đắp cho những lo ngại về việc lượng quặng lưu tại các kho chứa ở cảng biển đang gia tăng

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 2/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) tăng 2.4 JPY (1.4%) lên 179.1 JPY/kg.
- Chánh văn phòng Nội các Nhật Bả, ông Yoshihide Suga - đồng minh lâu năm của Thủ tướng sắp mãn nhiệm Shinzo Abe, đã giành chiến thắng trong cuộc bầu cử lãnh đạo đảng cầm quyền hôm qua với số phiếu áp đảo, đưa ông tiến đã cam kết sẽ tiếp tục các chính sách siêu nói lỏng và chi tiêu mạnh mẽ cũng như những chính sách khác của ông Abe (Abenomics) nhằm đảo ngược tình thế suy giảm kinh tế của Nhật Bản do Covid-19.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 9.4 US cent (7.1%) xuống 1.2305 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 giảm 46 US cent (3.2%) xuống 1,378 USD/tấn.
- Giá cà phê arabica giảm mạnh 7% trong phiên vừa qua do dự báo sẽ có mưa trên diện rộng ở những khu vực trồng cà phê đang khô hạn của Brazil, khiến các nhà đầu tư bán bớt hợp đồng đang nắm giữ.

	15/9	% 15/9	14/9	% 14/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	896.26	0.19%	894.57	0.63%	0.69%	4.82%
S&P 500			3383.54	1.27%	-1.27%	0.09%
HĐTL S&P500	3384.50	0.36%	3372.25	1.47%	1.79%	0.81%
Shang- hai	3295.68	0.51%	3278.81	0.57%	-0.63%	-1.92%
Euro Stoxx	3316.95	0.00%	3316.79	0.03%	1.52%	0.36%

Phân tích kỹ thuật

STB_Xu hướng hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: trung lập, chạm kênh Bollinger trên.

Nhận định: STB đang nằm trong xu hướng tăng giá sau khi tích lũy quanh ngưỡng giá 11.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD cũng đều ủng hộ nhịp tăng giá này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở ngưỡng giá 11.6 và chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 13.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 11.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

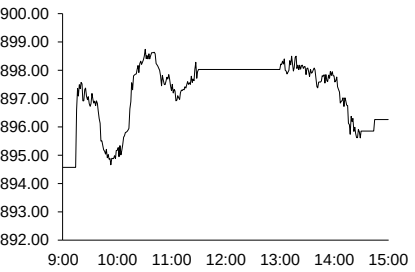
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-0.75%
Hóa chất	-0.53%
Du lịch và Giải trí	-0.49%
Dầu khí	-0.46%
Ngân hàng	-0.29%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.10%
Ô tô và phụ tùng	-0.05%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	0.03%
Xây dựng và Vật liệu	0.03%
Thực phẩm và đồ uống	0.05%
Tài nguyên Cơ bản	0.25%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.33%
Truyền thông	0.71%
Dịch vụ tài chính	0.74%
Y tế	0.77%
Bất động sản	0.77%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.99%
Công nghệ Thông tin	1.12%

Hình 1

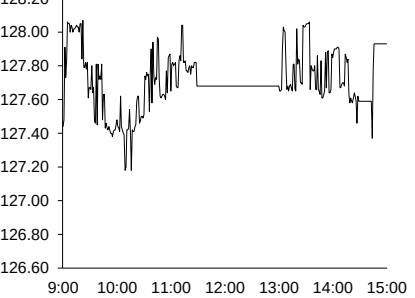
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.9	1	6.98%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24	4	-0.41%	Có thể tiếp tục mua
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.5	5	-1.26%	Có thể tiếp tục mua
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	18.5	6	-0.80%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.65	7	3.97%	Có thể tiếp tục mua
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	6.8	8	1.49%	Có thể tiếp tục mua
9/4/2020	VCS	67	76	60	67.8	11	1.19%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.4	12	6.35%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2020	VJC	103	112	100	106.9	15	3.79%	Có thể tiếp tục mua
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.05	18	-2.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.1	19	2.76%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	92.9	21	6.05%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12.5	25	5.49%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	14.5	26	8.21%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	104	29	5.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.3	35	8.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.1	36	-0.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.6	40	16.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	72.9	43	8.08%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.8	76	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32	83	4.27%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.7	89	12.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.8	91	2.54%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

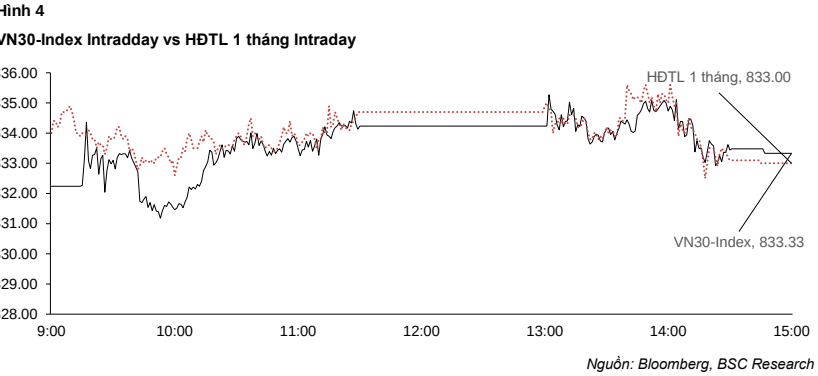
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	TP	22	6.74%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%

Chú thích:
 Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	18	5	5.82%	-1.10%	4.32%	30
Cổ phiếu đã chốt	26	21	10.67%	-9.52%	1.65%	22

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	833.00	-0.12%	-0.33	-25.5%	74,780	9/17/2020	4
VN30F2010	831.90	-0.01%	-1.43	165.7%	2,187	10/15/2020	32
VN30F2012	827.10	-0.07%	-6.23	-55.7%	27	12/17/2020	95
VN30F2103	822.00	0.11%	-11.33	13.5%	118	3/18/2021	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ +1.09 điểm, lên mức 833.33 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, STB, FPT, VNM, HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 830-835 điểm. Thanh khoản vừa phải, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 825-840 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Ngoại trừ VN30F2103, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2009 và VN30F2012 đang giảm, trong khi VN30F2010 và VN30F2103 đang tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2004	11/30/2020	76	1:1	868,110	43.44%	1,400	1,370	22.32%	1,286	1.07	12,400	11,000	11,600
CSTB2008	11/20/2020	66	1:1	308,740	43.44%	1,500	2,030	12.78%	1,752	1.16	11,700	10,200	11,600
CSTB2005	11/3/2020	49	2:1	683,670	43.44%	1,080	400	8.11%	337	1.19	13,971	11,811	11,600
CSTB2007	4/27/2021	224	2:1	328,590	43.44%	1,500	1,240	7.83%	1,061	1.17	13,999	10,999	11,600
CHPG2009	10/29/2020	44	2:1	95,990	38.15%	1,600	3,990	3.10%	1,369	2.91	25,700	22,500	24,700
CHPG2010	4/5/2021	202	4:1	215,850	38.15%	1,800	1,150	2.68%	186	6.18	40,300	33,100	24,700
CHDB2003	12/16/2020	92	2:1	379,910	40.59%	2,700	1,250	2.46%	844	1.48	37,523	32,123	29,900
CHPG2013	12/1/2020	77	1:1	55,780	38.15%	6,900	6,990	2.19%	2,202	3.17	30,900	24,000	24,700
CHPG2015	3/1/2021	167	3:1	116,860	38.15%	6,700	6,090	2.18%	2,029	3.00	33,200	26,500	24,700
CHPG2002	12/16/2020	92	2:1	161,550	38.15%	1,700	1,660	1.22%	236	7.05	33,399	29,999	24,700
CMBB2007	1/14/2021	121	2:1	318,150	36.25%	1,400	1,350	0.00%	1,116	1.21	19,800	17,000	18,100
CMWG2009	10/23/2020	38	8:1	153,200	41.83%	1,600	1,640	-0.61%	1,545	1.06	94,800	82,000	92,900
CSTB2002	12/16/2020	92	1:1	544,120	43.44%	1,700	1,190	-0.83%	942	1.26	13,588	11,888	11,600
CPNJ2007	11/20/2020	66	5:1	203,310	39.37%	1,670	2,020	-0.98%	1,703	1.19	61,350	53,000	59,900
CVHM2003	10/29/2020	44	10:1	382,300	38.43%	1,000	1,050	-1.87%	850	1.23	80,000	70,000	76,800
CVHM2006	4/27/2021	224	20:1	490,700	38.43%	1,000	640	-5.88%	348	1.84	104,888	84,888	76,800
CMWG2008	10/29/2020	44	10:1	217,910	41.83%	1,300	1,090	-6.03%	1,038	1.05	98,000	85,000	92,900
CDPM2002	12/16/2020	92	1:1	62,740	43.24%	1,700	4,500	-7.22%	2,633	1.71	16,952	15,252	17,100
CVHM2002	11/30/2020	76	1:1	144,470	38.43%	11,500	6,060	-7.76%	5,630	1.08	88,500	77,000	76,800
CVNM2006	10/5/2020	20	10:1	710,420	33.38%	1,530	330	-13.16%	164	2.02	146,613	131,313	124,800
Tổng				5,731,950	40.33%**								
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/9/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.
- CSTB2004 và CSTB2008 tăng mạnh lần lượt là 22.32% và 12.78%. Trái lại, CMWG2005 và CMSN2009 giảm mạnh lần lượt là -16.10% và -15.00%. Giá trị giao dịch tăng 18.98%. CSTB2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.60% thị trường.
- CVPB2006, CVRE2005, CREE2003, CVRE2006, và CMWG2007 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CDPM2002, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2004, CMWG2007, và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	92.9	-0.1%	1.2	1,828	3.2	8,348	11.1	2.9	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	59.9	-0.2%	1.3	586	0.8	4,629	12.9	2.9	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	48.1	-1.1%	1.4	1,551	1.1	1,625	29.6	1.8	28.3%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.3	0.0%	0.3	294	0.1	2,651	11.4	1.0	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	95.0	2.0%	0.8	13,971	4.0	2,336	40.7	3.8	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	28.9	1.0%	1.1	2,855	3.8	1,057	27.4	2.4	30.6%	8.9%	
VHM	Bất động sản	76.8	-0.9%	1.3	10,984	15.8	6,686	11.5	3.7	22.5%	36.5%	
DXG	Bất động sản	10.1	-0.5%	1.4	228	1.4	658	15.4	0.8	35.5%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	15.8	0.3%	1.3	413	4.9	1,718	9.2	1.0	48.3%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	28.2	0.7%	1.0	203	1.1	4,110	6.9	1.2	28.6%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	20.0	1.3%	1.7	265	4.8	1,608	12.4	1.4	48.8%	11.5%	
FPT	Công nghệ	50.0	1.4%	0.8	1,704	4.1	4,280	11.7	2.6	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	48.5	-0.4%	0.4	577	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.3	1.3%	1.4	6,016	2.3	5,169	14.0	2.6	3.3%	20.5%	
PLX	Dầu khí	49.5	-0.6%	1.5	2,595	3.6	867	57.1	3.0	15.6%	5.1%	
PVS	Dầu khí	12.5	0.8%	1.5	260	1.2	1,339	9.3	0.5	10.4%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.8	0.0%	0.8	917	0.5	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	103.0	0.9%	0.5	586	0.0	5,044	20.4	4.2	54.7%	21.2%	
DPM	Hóa chất	17.1	-0.3%	0.4	291	2.5	1,700	10.1	0.8	11.2%	8.9%	
DCM	Hóa chất	10.1	1.0%	0.5	231	2.0	709	14.2	0.8	1.8%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	82.5	-0.6%	1.1	13,304	3.6	4,915	16.8	3.4	23.5%	22.0%	
BID	Ngân hàng	40.8	0.6%	1.3	7,126	2.0	2,132	19.1	2.1	17.6%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	25.4	-0.8%	1.2	4,112	3.6	2,995	8.5	1.2	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	23.1	-0.6%	1.2	2,443	4.1	4,126	5.6	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	18.1	-0.3%	1.0	1,898	2.9	3,497	5.2	1.0	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	21.3	0.5%	0.9	2,002	4.3	2,884	7.4	1.5	30.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	59.7	3.8%	0.9	212	1.9	5,781	10.3	2.0	82.9%	19.5%	
NTP	Nhựa	32.7	2.2%	0.4	167	0.2	3,348	9.8	1.5	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.3	1.2%	0.3	701	0.0	356	45.8	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	24.7	0.4%	1.1	3,558	9.6	2,632	9.4	1.6	35.1%	18.1%	
HSG	Thép	13.0	2.4%	1.5	251	9.5	1,767	7.4	0.9	9.3%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	124.8	0.5%	0.8	9,449	4.8	5,538	22.5	7.2	58.5%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	188.2	0.0%	0.8	5,247	0.3	6,328	29.7	6.5	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	55.4	-0.4%	1.0	2,829	1.9	3,255	17.0	2.8	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.1	0.0%	0.8	358	1.4	561	25.0	1.1	5.6%	5.1%	
ACV	Vận tải	62.8	0.8%	0.8	5,944	1.0	3,450	18.2	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	106.9	-0.5%	1.1	2,435	1.9	3,480	30.7	3.7	17.7%	12.3%	
HVN	Vận tải	27.0	-1.1%	1.7	1,662	1.2	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.5	0.2%	0.9	303	0.8	1,381	17.0	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	12.1	4.3%	1.2	148	2.0	2,076	5.8	0.7	20.6%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	67.8	-1.2%	1.0	458	0.8	8,104	8.4	3.2	3.0%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	22.5	0.0%	0.8	439	0.4	1,363	16.5	1.5	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	-1.3%	1.0	258	0.8	1,937	8.0	1.1	6.1%	13.5%	
CTD	Xây dựng	72.9	0.3%	1.1	242	1.2	8,453	8.6	0.7	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.1	0.6%	0.3	188	0.6	1,562	11.6	0.8	35.5%	7.6%	
REE	Điện	39.0	-0.9%	-1.4	525	1.0	4,780	8.1	1.1	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	20.7	1.5%	-0.4	143	0.4	2,176	9.5	0.9	16.1%	9.9%	
POW	Điện	10.2	1.5%	0.6	1,033	1.8	933	10.9	0.8	11.1%	8.1%	
NT2	Điện	24.0	-1.0%	0.6	300	0.7	2,685	8.9	1.5	18.8%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	13.5	-0.4%	0.8	276	1.1	1,156	11.7	0.7	20.2%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	43.2	3%	1.0	1,942	0.2	#N/A	N/A	N/A	3.0	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	95.00	2.04	1.81	983560
GAS	72.30	1.26	0.48	727700
BCM	43.15	3.23	0.39	96350.00
VNM	124.80	0.48	0.29	882030
BID	40.75	0.62	0.28	1.11MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.66	4.72MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.52	998970	607060
CTG	0.00	-0.21	3.27MLN	373600
TCB	0.00	-0.15	1.84MLN	192700
HVN	0.00	-0.12	1.01MLN	611640

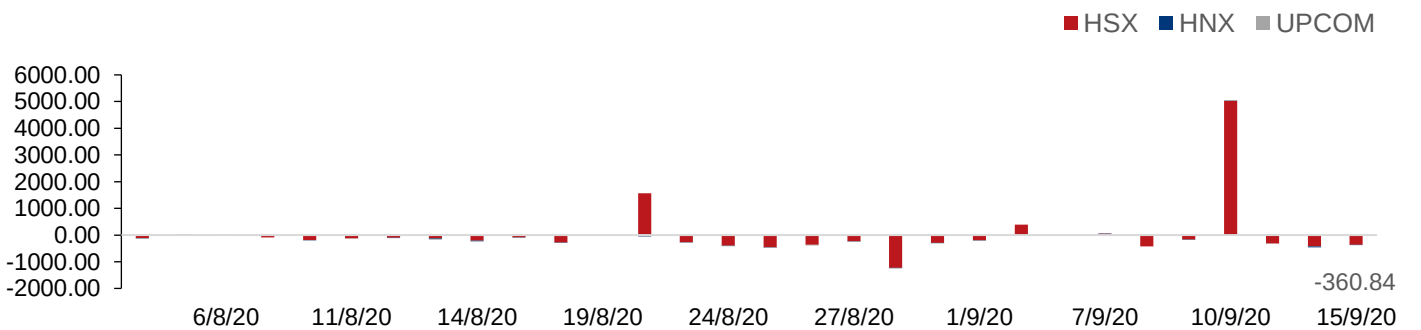
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	10.40	7.00	0.01	10.00
SFG	5.97	6.99	0.01	108910
TCT	29.90	6.98	0.01	222900
TDW	23.00	6.98	0.00	190
TNC	24.60	6.96	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	41.65	-6.93	-0.01	1020
L10	16.90	-6.89	0.00	3070
VPH	4.70	-6.00	-0.01	237640.00
DTT	11.05	-5.96	0.00	10
FTM	1.47	-5.77	0.00	559940

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	92.9	8,348	11.1	2.9	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.7	885	9.8	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.7	5,512	7.6	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.5	1,948	12.6	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	24.7	2,632	9.4	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.3	3,314	8.5	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.1	4,126	5.6	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	48.9	9,998	4.9	1.4	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	55.4	3,255	17.0	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	40.7	4,670	8.7	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	13.0	1,767	7.4	0.9	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.1	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.4	2,103	13.0	2.3	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.7	2,632	9.4	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.4	3,103	6.9	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	59.9	4,629	12.9	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	104.0	4,105	25.3	8.9	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.1	658	15.4	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	22.7	1,721	13.2	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.0	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	26.6	5,224	5.1	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	54.1	4,739	11.4	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	82.5	4,915	16.8	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.3	2,884	7.4	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.7	5,512	7.6	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	59.2	5,872	10.1	2.7	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.0	4,280	11.7	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.5	1,381	17.0	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.5	1,156	11.7	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	188.2	6,328	29.7	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.5	1,948	12.6	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	124.8	5,538	22.5	7.2	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	92.9	8,348	11.1	2.9	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.0	2,088	9.1	1.3	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.0	5,044	20.4	4.2	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	12.1	2,076	5.8	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	59.9	4,629	12.9	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.3	4,313	7.7	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	212.0	14,782	14.3	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn